

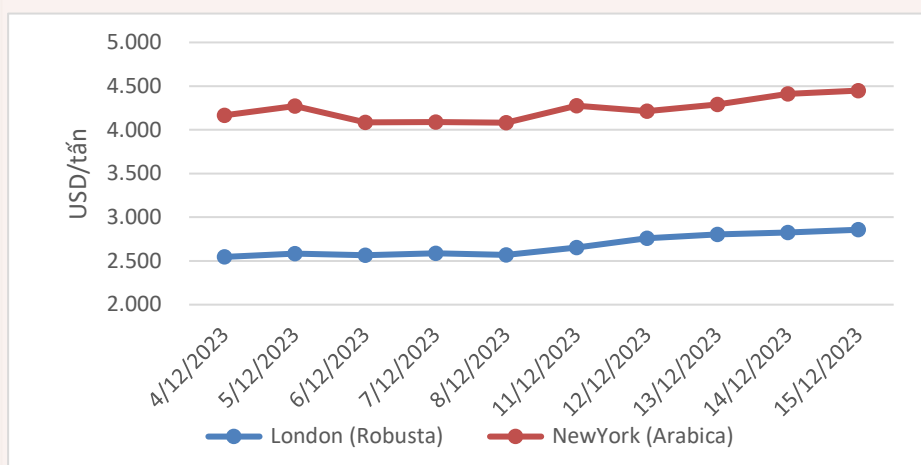


BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta tại thị trường London kỳ hạn tháng 1/2024 đạt mức bình quân 2.779 USD/tấn, tăng 8,11% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica tại thị trường New York kỳ hạn tháng 3/2024 đạt mức bình quân 4.329 USD/tấn, tăng 4,59% so với tuần trước.
- ❖ Theo Tổ chức Cà phê thế giới (ICO), dự báo sản lượng tiêu thụ cà phê toàn cầu niên vụ 2023-2024 (từ tháng 10/2023 đến tháng 9/2024) đạt 178 triệu bao (loại bao 60kg), tăng 5,8% so với niên vụ 2022/2023.
- ❖ Theo Hiệp hội Xuất khẩu Cà phê tại Brazil (Cecafé), tháng 11/2023, xuất khẩu cà phê của Brazil đạt 4,1 triệu bao (loại bao 60kg), tăng 18,16% so với cùng kỳ năm trước.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Tuần 50 (từ 11-15/12/2023), giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 1/2024 tại thị trường London đạt 2.779 USD/tấn, tăng 8,11% so với tuần trước và tăng 44,9% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.857 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 2.653 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2024 bình quân đạt 4.329 USD/tấn, tăng 4,59% so với mức giá tuần trước, và tăng 17% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.449 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.214USD/tấn. [1]

Giá cà phê đã tăng do: (1) dự báo giảm sản lượng cà phê Brazil bởi ảnh hưởng của thời tiết khô nóng tại các vùng sản xuất cà phê chính; (2) sự quay lại mạnh mẽ của các quỹ và nhà đầu tư trên thị trường khi có thông tin về khả năng Fed sẽ không tăng lãi suất đồng USD mà có thể bắt đầu chu kỳ cắt giảm lãi suất vào đầu năm tới..[2]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Tình hình tiêu thụ cà phê toàn cầu niên vụ 2023-2024

Tổ chức cà phê thế giới (ICO) dự báo sản lượng tiêu thụ cà phê toàn cầu niên vụ 2023-2024 (từ tháng 10/2023 đến tháng 9/2024) đạt 178 triệu bao (loại bao 60kg), tăng 5,8% so với niên vụ 2022-2023. Trong đó, sản lượng tiêu thụ cà phê Arabica đạt 102,2 triệu bao, tăng 8,7%; sản lượng tiêu thụ cà phê Robusta đạt 75,8 triệu bao, tăng 2,2%. Dự báo của ICO dựa trên giả định nền kinh tế toàn cầu sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức trên 3% và tình trạng tồn kho giảm mạnh.[3]

Tình hình xuất khẩu cà phê thế giới

Theo ICO, xuất khẩu cà phê thế giới trong tháng 10/2023 đạt 9,5 triệu bao, tăng 0,8% so với tháng 10/2022. Trong đó, xuất khẩu cà phê xanh đạt 8,6 triệu bao, chiếm 90,5% tổng sản lượng cà phê xuất khẩu, giảm 0,4%. Cà phê hòa tan đạt 0,9 triệu bao, chiếm 8,6%, tăng 10,6%. Cà phê đã rang đạt 49,1 nghìn bao, chiếm 0,7%, và giảm 20,4%.[3]

Brazil

Theo Hiệp hội Xuất khẩu Cà phê tại Brazil (Cecafé), tháng 11/2023, xuất khẩu cà phê của Brazil đạt 4,1 triệu bao (loại bao 60kg), tăng 18,16% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu cà phê Arabica đạt 3,24 triệu bao, giảm 3,27% so với tháng 11/2022. Xuất khẩu cà phê Robusta và cà phê Coinilon đạt 855,9 nghìn bao, tăng 677,92%. Tính chung 6 tháng đầu của vụ cà phê tại Brazil (từ tháng 7/2023 đến tháng 6/2024), sản lượng cà phê xuất khẩu đạt 18,52 triệu bao, tăng 27,35% so với cùng kỳ năm trước. [4]

Sản lượng cà phê Robusta trong năm 2024 tại Espírito Santo, khu vực trồng cà phê Robusta lớn nhất tại Brazil, được giám đốc hợp tác xã Cooabriel dự báo có thể giảm 15% đến 20% so với năm 2023, đạt dưới 20 triệu bao do thời tiết khô hạn.[5]

Trung Quốc

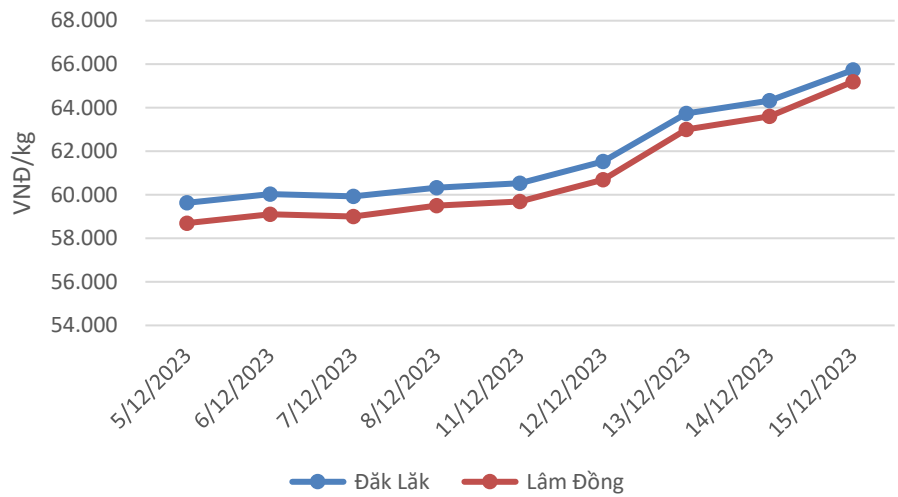
Theo World Coffee Portal, Trung Quốc đã vượt Hoa Kỳ trở thành thị trường có số lượng cửa hàng cà phê có thương hiệu lớn nhất thế giới, đạt 49.691 cửa hàng cao hơn 9.629 cửa hàng so với Hoa Kỳ. Sự tăng trưởng ở Trung Quốc chủ yếu do số lượng cửa hàng của Luckin Coffee và Cotti Coffee đã tăng trưởng nhanh chóng. Tính đến tháng 10/2023, Luckin có 13.273 cửa hàng, trở thành chuỗi cửa hàng cà phê lớn nhất tại quốc gia này. World Coffee Portal dự báo tốc độ tăng trưởng của cửa hàng cà phê có thương hiệu tại Trung Quốc sẽ đạt 24% vào năm 2024 và giảm dần xuống 6% vào năm 2028.[6]

Theo Hải quan Trung Quốc, 10 tháng năm 2023, sản lượng cà phê nhập khẩu của nước này đạt 113,54 nghìn tấn, trị giá 624,79 triệu USD, tăng 10,7% về lượng và tăng 4,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, cà phê chưa rang hoặc chưa khử caffeine (HS 0901.1100), đạt 101,44 nghìn tấn, trị giá 464 triệu USD, tăng 14,6% về lượng và tăng 12,3% về giá trị. Cà phê rang, chưa khử caffeine (HS 0901.2100) đạt 11,51 nghìn tấn, giảm 12,6% về lượng và giảm 10,9% về giá trị. [7]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng trong tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 63.173 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 62.440 VNĐ/kg.
- ❖ Theo Hiệp Hội Cà phê - Ca cao Việt Nam (VICOFA), sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2023-2024 đạt 1,7 triệu tấn, giảm 4,5% so với niên vụ 2022-2023 do diện tích giảm tại các vùng trồng chính.
- ❖ Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2023, sản lượng xuất khẩu cà phê Việt Nam đạt 119,2 nghìn tấn, trị giá 356,68 triệu USD, tăng 172,8% về lượng và 126,4% về giá trị so với tháng 10 năm 2023.
- ❖ Sản lượng cà phê năm 2023 của tỉnh Lâm Đồng ước đạt 535,8 nghìn tấn. Tính đến hết tháng 11/2023, Lâm Đồng đã thu hoạch được 190 nghìn tấn, đạt trên 37% kế hoạch.
- ❖ Năm 2023, diện tích cà phê tỉnh Đắk Lắk đạt 213 nghìn ha, sản lượng dự kiến đạt 570 nghìn tấn trong niên vụ 2023-2024, tăng 7% so với niên vụ trước.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tăng mạnh so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 63.173 VNĐ/kg, tăng 5,51% so với tuần trước (tăng 3.300 VNĐ/kg) và tăng 54,33% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 62.440 VNĐ/kg, tăng 5,90% so với tuần trước (tăng 3.480 VNĐ/kg) và tăng 54,94% so với cùng kỳ năm trước. [8]

Giá cà phê trong nước tăng mạnh trong tuần qua do nhu cầu mua lớn của các doanh nghiệp xuất khẩu và nguồn cung cà phê Robusta ở thế giới giảm. Nhiều dự báo cho thấy từ nay đến hết tháng 4/2024 (khi Indonesia vào vụ mới), tình trạng nguồn cung khan hiếm vẫn sẽ diễn ra, do vậy giá cà phê trong nước sẽ tăng ít nhất đến tháng 4/2024. [9]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2023-2024

Theo Hiệp Hội Cà phê - Ca cao Việt Nam (VICOFA), sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2023-2024 đạt 1,7 triệu tấn, giảm 4,5% so với niên vụ 2022-2023 do diện tích giảm tại các vùng trồng chính. Dự báo năm 2023, giá trị xuất khẩu cà phê Việt Nam đạt 4 tỷ USD tương đương năm 2022. [9]

Xuất khẩu cà phê Việt Nam tháng 11/2023

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2023, sản lượng xuất khẩu cà phê Việt Nam đạt 119,2 nghìn tấn, trị giá 356,68 triệu USD, tăng 172,8% về lượng và 126,4% về giá trị so với tháng 10 năm 2023.

Lũy kế 11 tháng năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt gần 1,42 triệu tấn, tương ứng 3,64 tỷ USD, giảm 10,4% về lượng nhưng tăng 0,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. [10]

Giá xuất khẩu cà phê bình quân tháng 11 đạt 2.990 USD/tấn, giảm 17% so với tháng 10/2023, nhưng tăng 26,2% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 11 tháng năm 2023, giá xuất khẩu bình quân đạt 2.573 USD/tấn, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2022. [10]

Tháng 11/2023, sản lượng cà phê xuất khẩu sang các thị trường chính đều tăng mạnh. Cụ thể, Liên minh châu Âu (EU) tăng 3,6 lần so với tháng 10/2023, đạt 40,3 nghìn tấn; thị trường Nga tăng 10 lần, đạt 12,2 nghìn tấn; thị trường Hoa Kỳ tăng 5,8 lần, đạt 10,2 nghìn tấn. [10]

Lâm Đồng

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng, năm 2023, diện tích cà phê tỉnh đạt 175,7 nghìn ha, trong đó diện tích cho thu hoạch đạt 163,5 nghìn ha với năng suất dự kiến 32,8 tạ/ha. Sản lượng cà phê năm 2023 ước đạt 535,8 nghìn tấn. Tính đến hết tháng 11/2023, Lâm Đồng đã thu hoạch được 190 nghìn tấn, đạt trên 37% kế hoạch. [11]

Sản phẩm cà phê nhân, cà phê rang xay của Lâm Đồng chủ yếu xuất khẩu sang thị trường châu Âu (Đức, Tây Ban Nha, Bỉ, Italia...), và thị trường châu Á (Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Indonesia...). Năm 2022, sản lượng cà phê nhân xuất khẩu của tỉnh đạt hơn 90 nghìn tấn với giá trị đạt trên 180 triệu USD. Tính đến ngày 8/12/2023, xuất khẩu cà phê của tỉnh đạt 173 triệu USD, là mặt hàng nông sản xuất khẩu cao nhất của địa phương. [11]

Đắk Lắk

Năm 2023, diện tích cà phê tỉnh Đắk Lắk đạt 213 nghìn ha, sản lượng dự kiến đạt 570 nghìn tấn trong niên vụ 2023-2024, tăng 7% so với niên vụ trước. Giá cà phê đang duy trì ổn định ở mức cao là động lực để nông dân Đắk Lắk tiếp tục gắn bó với cây cà phê và hướng đến mục tiêu sản xuất cà phê ngày càng bền vững hơn. [12]

Niên vụ cà phê 2023 - 2024, các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh cam kết đáp ứng nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp, người dân sản xuất, kinh doanh cà phê. Dự kiến, nguồn vốn cho vay khoảng 7.500 tỷ đồng. Nguồn vốn này nhằm hỗ trợ người dân đầu tư tái canh cà phê, đầu tư máy móc thiết bị chế biến, hệ thống

xử lý nước thải và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp kinh doanh cà phê.

Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk, doanh số cho vay (trồng mới, chăm sóc, thu mua, xuất khẩu) niên vụ cà phê 2022 - 2023 bình quân đạt 24.017 tỷ đồng, cao hơn doanh số cho vay bình quân niên vụ 2021 - 2022 là 3.263 tỷ đồng. Tính đến tháng 9/2023, dư nợ cho vay cà phê đạt 19.339 tỷ đồng, chiếm 13,62% tổng dư nợ cho vay của tỉnh. Trong số đó, dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 12.615 tỷ đồng, chiếm 65,23% dư nợ cho vay cà phê; cho vay trung, dài hạn ước đạt 6.724 tỷ đồng, chiếm 34,77%. [13]

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. [Giacaphe.com](https://giacaphe.com)
3. [Tổ chức cà phê thế giới](https://tccg.org)
4. iandmsmith.com
5. [Doanh Nghiệp & Kinh Doanh](https://doanhngiep.com)
6. [Markettime.vn](https://markettime.vn)
7. [Báo Công thương](https://baocongthuong.vn)
8. [Công tác viên các tỉnh Tây Nguyên](https://congtaclan.com)
9. [Báo Công thương](https://baocongthuong.vn)
10. [Báo Công thương](https://baocongthuong.vn)
11. [Báo Lâm Đồng](https://baolamdong.vn)
12. [Cafef.vn](https://cafef.vn)
13. [Thông tấn xã Việt Nam](https://thongtinxavietnam.com)

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	59.700	60.700	63.000	63.600	65.200	62.440	3.480
Di Linh	59.700	60.700	63.000	63.600	65.200	62.440	3.480
Lâm Hà	59.700	60.700	63.000	63.600	65.200	62.440	3.480
Bảo Lộc	59.700	60.700	63.000	63.600	65.200	62.440	3.480
ĐẮK LẮK	60.533	61.533	63.733	64.333	65.733	63.173	3.300
Cư M'gar	60.600	61.600	63.800	64.400	65.800	63.240	3.300
Ea H'leo	60.500	61.500	63.700	64.300	65.700	63.140	3.300
Buôn Hồ	60.500	61.500	63.700	64.300	65.700	63.140	3.300
ĐẮK NÔNG	60.550	61.550	63.750	64.350	65.750	63.190	3.300
Gia Nghĩa	60.600	61.600	63.800	64.400	65.800	63.240	3.300
Đắk R'lấp	60.500	61.500	63.700	64.300	65.700	63.140	3.300
GIA LAI	60.433	61.467	63.633	64.233	65.633	63.080	3.387
Chư Prông	60.500	61.500	63.700	64.300	65.700	63.140	3.380
Pleiku	60.400	61.500	63.600	64.200	65.600	63.060	3.400
La Grai	60.400	61.400	63.600	64.200	65.600	63.040	3.380
KON TUM	60.500	61.500	63.600	64.300	65.700	63.120	3.380
Đắk Hà	60.500	61.500	63.600	64.300	65.700	63.120	3.380

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn